

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN BẠCH TUYẾT**

(Sửa đổi lần 3 theo Luật Doanh nghiệp)

Tháng 12 Năm 2013

CHƯƠNG II

VỐN – VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Mục 1. VỐN – VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 8: Các loại vốn của Công ty

Vốn hoạt động của Công ty gồm có: Vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tiếp nhận, vốn đi vay, vốn tích lũy, vốn khác.

Điều 9: Vốn điều lệ

- 1/ Vốn điều lệ được các cổ đông đóng góp bằng tiền đồng Việt Nam. Nếu có đóng góp bằng ngoại tệ hoặc bằng hiện vật sẽ được qui đổi, hạch toán, theo dõi theo một đơn vị thống nhất là tiền đồng Việt Nam.
- 2/ **Vốn điều lệ của Công ty kể từ thời điểm 01.01.2014 được điều chỉnh lại là 69.000.000.000 đồng (Sáu mươi chín tỷ đồng), phân chia thành 690.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng.**

Các thành viên góp vốn (theo nhóm cổ đông), tổng quát như sau:

S T T	Tên cổ đông góp vốn	Vốn góp					Số cổ phần góp vốn	Tỷ lệ góp vốn	Thời điểm góp vốn
		Tổng số (đồng)	Chia ra trong đó						
			Tiền VN (đồng)	Ngoại tệ	Vàng	Tài sản khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Cổ đông Nhà nước	24.150.000.000	24.150.000.000				241.500	35%	
2	Cổ đông trong Cty	31.050.000.000	31.050.000.000				310.500	45%	
3	Cổ đông ngoài Cty	13.800.000.000	13.800.000.000				138.000	20%	
	Tổng số	69.000.000.000	69.000.000.000				690.000	100 %	

(Xem chi tiết danh sách cổ đông đính kèm Bản Điều lệ này).

3/ Cơ cấu vốn góp của Công ty:

Cơ cấu vốn góp của Công ty được xác nhận tại Quyết định số 1016 TC/QĐ/TCĐN ngày 12.12.1997 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc chuyển quyền quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước Xí nghiệp Sơn Bạch Tuyết sang Công ty cổ phần sơn Bạch Tuyết.

4/ Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh theo từng thời kỳ để đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty và đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Khi vốn điều lệ được bổ sung và tăng lên (bằng cách phát hành cổ phiếu mới hoặc sát nhập quỹ Dự trữ vào vốn điều lệ) hoặc giảm đều do Hội đồng quản trị đề nghị và do Đại hội đồng cổ đông quyết định và làm thủ tục xác nhận tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

5/ Vốn điều lệ được sử dụng cho các mục đích :

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
 - Mua cổ phiếu, hùn vốn, liên doanh.
 - Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của công ty.
- Chia phần tài sản còn lại cho các cổ đông khi Công ty bị phá sản.

6/ Không dùng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 10 : Các vốn khác

1/ Vốn huy động:

- a/ Công ty được huy động vốn từ bên ngoài bằng phương thức phát hành các chứng từ có giá sau khi đủ điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Công ty được quyền sử dụng vốn này và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn lẫn lãi.
- b/ Công ty phải chấp hành và tôn trọng các giới hạn khống chế về mức huy động, dự trữ tối thiểu bắt buộc và các biện pháp đảm bảo an toàn về vốn.

2/ Vốn đi vay :

Công ty được vay vốn của ngân hàng và các tổ chức tín dụng trong, ngoài nước để phục vụ kinh doanh theo qui định pháp luật hiện hành.

3/ Vốn tích lũy:

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển công ty, hùn vốn liên doanh với các cá nhân, với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước trong các hoạt động kinh doanh khác tại Việt Nam.

4/ Vốn tiếp nhận và các loại vốn khác:

Công ty cổ phần sơn Bạch Tuyết được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các thể nhân và pháp nhân trong và ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động của Công ty.

Điều 11: Định giá tài sản góp vốn

Việc định giá tài sản góp vốn được thực hiện theo Điều 23 của Luật Doanh nghiệp và các qui định của pháp luật hiện hành, và qui định thêm như sau:

Cổ phần góp bằng các máy móc thiết bị, phương tiện và tài sản khác cần thiết cho hoạt động của Công ty, phải được đánh giá lại theo qui của Hội đồng quản trị và phải tính thành tiền đồng Việt nam để xác định số lượng cổ phần, cổ phiếu ngay tại thời điểm góp vốn.

Mục 2. CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – TRÁI PHIẾU

Điều 12: Cổ phần

- 1/ Vốn Điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, mỗi phần đó là một cổ phần.

2/ Số lượng cổ phần:

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty được chia thành 200.000 cổ phần bằng nhau, mỗi cổ phần trị giá 100.000 đồng Việt Nam. Cổ phiếu của công ty có nhiều mệnh giá, mệnh giá tối thiểu của một cổ phiếu bằng giá trị của một cổ phần.

3/ Công ty có cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (ưu đãi cổ tức, ưu đãi hoàn lại và ưu đãi khác), như sau:

- a- Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau theo qui định tại Điều 53 và Điều 54 Của Luật Doanh nghiệp. Những cổ phần Công ty đã phát hành theo Điều lệ Công ty ngày 15.11.1997 là cổ phần phổ thông- tương ứng là cổ phiếu phổ thông.
- b- Các cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích theo qui định tại các Điều 52, 56, 57 của Luật Doanh nghiệp và qui định trong Điều lệ của Công ty. Các loại cổ phần ưu đãi này (tương ứng là cổ đông ưu đãi) Công ty sẽ phát hành vào thời điểm thích hợp trên cơ sở điều kiện thực tế của Công ty, nguyện vọng của các cổ đông, đề nghị của Hội Đồng Quản Trị và được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua.

Điều 13: Cổ phiếu

- 1/ Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một phần hoặc một số cổ phần của Công ty là cổ phiếu; cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên; cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của bộ tài chính. Cổ phiếu của Công ty được xem là hợp lệ khi cổ phiếu do chính Công ty phát hành, có ghi rõ và đầy đủ các nội dung theo qui định ở Điều 59 của Luật Doanh nghiệp. Những cổ phiếu Công ty đã phát hành là cổ phiếu phổ thông.
- 2/ *Chuyển đổi cổ phiếu:* những cổ phiếu đã phát hành trước đây phù hợp với Điều lệ này sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu phổ thông, đó là các loại cổ phiếu:
 - Cổ phiếu ghi tên không được nhượng của các thành viên Hội Đồng Quản Trị sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.
 - Cổ phiếu ghi tên của người lao động mua chịu theo chính sách ưu đãi của Nhà Nước, sau khi người lao động trả xong nợ (vốn và lãi) cho Nhà nước sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.
- 3/ Nếu cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng hay bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu trình đầy đủ bằng chứng theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị và phải chịu mọi tổn phí.

Điều 14: Chào bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần:

Công ty thực hiện việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần theo qui định tại điều 61 của Luật Doanh Nghiệp và qui định thêm như sau:

- 1/ Tất cả các cổ đông trong Công ty đều có quyền chuyển nhượng cổ phần mà mình sở hữu cho người khác, trừ trường hợp qui định tại khoản 3 Điều 55 và khoản 1 Điều 58 của Luật Doanh Nghiệp và không được chuyển nhượng cho các đối thủ cạnh tranh của Công ty. Riêng các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát khi chuyển nhượng cổ phần phải giữ lại ít nhất là 800 cổ phần cho mỗi người.

2/ Chỉ những cổ phiếu đã được Công ty phát hành và đã chuyển đổi theo qui định của Điều lệ này mới được chào bán hoặc chuyển nhượng.

3/ Trường hợp Công ty chưa tham gia niêm yết chứng khoán tại Trung Tâm giao dịch chứng khoán, cổ đông muốn mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký với Hội Đồng Quản Trị Công ty và làm thủ tục mua bán, chuyển nhượng tại trụ sở Công ty. Trong thời hạn 15 ngày, Hội Đồng Quản Trị xem xét giải quyết việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần, trường hợp không chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần, Hội Đồng Quản Trị phải thông báo rõ lý do cho các cổ đông.

4/ Khi Công ty đã đăng ký niêm yết cổ phiếu ở Thị trường chứng khoán thì thực hiện theo các qui định của pháp luật về chứng khoán.

5/ Việc chuyển nhượng cổ phần không được làm thay đổi cơ cấu cổ phần trong Công ty.

6/ Cổ phiếu của Công ty không được dùng trong việc thế chấp, cầm cố hay bảo lãnh trong bất cứ trường hợp nào.

7/ Cổ phiếu của Nhà nước cấp cho người lao động để hưởng cổ tức không được chuyển nhượng mà chỉ được hưởng cổ tức đến suốt đời.

8/ Cổ phiếu bán chịu (chính sách ưu đãi của Nhà nước dành cho người lao động trong Công ty khi thực hiện cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước) khi chưa trả hết tiền vốn gốc và lãi phát sinh cho Nhà nước thì không được chuyển nhượng.

9/ Thừa kế:

a- Trong trường hợp một cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

- Người thừa kế duy nhất theo luật định.
- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

b- Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, sau khi trình đủ các giấy tờ chứng minh nguyện vọng và quyền thừa kế, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 15 : Sổ đăng ký cổ đông

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được thực hiện theo điều 60 của Luật Doanh nghiệp và được lưu giữ tại trụ sở văn phòng của Công ty.

Ngoài ra, khi Công ty chính thức niêm yết cổ phần của mình trên Trung tâm giao dịch chứng khoán, thì danh sách cổ đông cũng như mọi vấn đề có liên quan đến việc quản lý chuyển nhượng cổ phần sẽ do Trung tâm lưu ký và thanh toán bù trừ trực tiếp quản lý.

Cổ đông chỉ được công nhận sau khi đã đăng ký tên và sổ lưu ký của Trung tâm lưu ký và thanh toán bù trừ và đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Điều 16: Phát hành trái phiếu

- 1/ Công ty thực hiện việc phát hành trái phiếu theo Điều 62 của Luật Doanh nghiệp.
- 2/ Hội đồng quản trị Công ty được quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

Điều 17: Mua cổ phần, trái phiếu

Việc mua cổ phần, trái phiếu được thực hiện theo điều 63 của Luật Doanh nghiệp.

Theo đó, cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác (nếu có) và phải được thanh toán một lần.

Điều 18: Các trường hợp Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1/ Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông qui định tại điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.

2/ Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông qui định tại khoản trên với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Điều 19: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty thực hiện theo Điều 65 của Luật Doanh nghiệp. Theo đó, Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, theo qui định sau đây:

1/ Việc mua lại từ dưới 10% tổng số cổ phần đã bán do Hội Đồng Quản Trị quyết định và việc mua lại từ hơn 10% tổng số cổ phần đã bán Đại Hội đồng cổ đông quyết định.

2/ Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại điều khoản 3 Điều 19 bản điều lệ này.

3/ Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi lời chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn qui định trên, mọi việc chào bán sẽ không được giải quyết.

Điều 20: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1/ Công ty chỉ được quyền thanh toán cho cổ đông cổ phần được mua lại theo qui định tại điều 18, điều 19 của bản điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2/ Tất cả các cổ phần được mua lại theo qui định tại điều 18, điều 19 của bản điều lệ này được coi là chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

3/ Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 21: Trả cổ tức

1/ Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

2/ Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên địa chỉ cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

3/ Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 22: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với qui định tại điều 20 hoặc trả cổ tức trái với qui định tại điều 21 của bản điều lệ này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Mục 3 – CỔ ĐÔNG

Điều 23: Qui định chung về cổ đông

1/ Cổ đông của Công ty cổ phần sơn Bạch Tuyết là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Các cổ đông không được sở hữu số cổ phần quá tỷ lệ giới hạn qui định tại Điều 24 trong bản Điều lệ này.

2/ Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông giữ tại Công ty.

3/ Người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân tại Công ty :

a- Người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân:

- Đối với doanh nghiệp nhà nước không có HĐQT, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc;
- Đối với doanh nghiệp nhà nước có HĐQT, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp liên doanh là Chủ tịch HĐQT hoặc Trưởng ban Quản trị;
- Đối với các pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại công ty cổ phần là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó;

b- Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác.

c- Cổ đông là thể nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần;

d- Việc ủy quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Đối với cổ đông thể nhân phải có chứng thực của Ủy ban Nhân dân quận, huyện. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản do người đại diện ký, gửi HĐQT của Công ty cổ phần;

e- Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản;

f- Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác.

Điều 24: Giới hạn mức mua của các cổ đông

1/ Mỗi cổ đông là pháp nhân được quyền mua số cổ phần không quá 10% giá trị Vốn Điều lệ, tức là không lớn hơn 20.000 cổ phần (ngoại trừ cổ đông Nhà nước đang nắm giữ tỷ lệ 35% Vốn điều lệ ban đầu)

2/ Mỗi cổ đông là thể nhân được mua số cổ phần không quá 5% giá trị Vốn Điều lệ, tức là không lớn hơn 10.000 cổ phần.

3/ Các cổ đông là thành viên trong cùng một gia đình (vợ, chồng, người thân thuộc trực hệ ba đời) được mua số cổ phần không quá 10% giá trị Vốn Điều lệ, tức là không lớn hơn 20.000 cổ phần.

Điều 25: Quyền và Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được thực hiện theo Điều 53 của Luật Doanh nghiệp và được quy định thêm như sau:

25.1/ Quyền:

1. Được chia lợi tức cổ phần tương ứng với phần vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên;
2. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
3. Được mua bán, chuyển nhượng cổ phần theo qui định trong Điều lệ của Công ty và phù hợp với các qui định của Nhà nước hiện hành;
4. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 800 cổ phần trở lên được ứng cử vào thành viên của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát của Công ty;
5. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện ít nhất 50 cổ phần có quyền tham dự Đại hội cổ đông, được thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ vốn góp vào Công ty. Được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, Kiểm soát viên và Giám đốc điều hành về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần;
6. Được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động mọi mặt của Công ty. Được quyền yêu cầu HĐQT cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm : thủ đoạn marketing, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh ...). Được quyền kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Công ty.
7. Được chia tài sản còn lại với tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo luật pháp qui định.
8. Việc sửa đổi Điều lệ của Công ty cổ phần phải được ít nhất $\frac{3}{4}$ số cổ đông nhất trí;
9. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông theo Qui định tại Điều 32 của bản Điều lệ này;
10. Cổ đông can án hoặc phá sản mà vụ việc không liên quan trực tiếp đến Công ty vẫn được tiếp tục hưởng các quyền lợi ở Công ty tương ứng với số cổ phần mình được sở hữu;

25.2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cho ít nhất $\frac{3}{4}$ Vốn điều lệ được yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:

- Có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính của Công ty;
- Có dấu hiệu Công ty thất bại trong hoạt động kinh doanh;
- Phát hiện thấy ban Giám đốc hoặc HĐQT có dấu hiệu tham nhũng, hoặc cố ý gây thiệt hại cho Công ty;
- Ngoài ra, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong các trường hợp này, HĐQT và Giám đốc phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 30 ngày kể từ khi nhóm cổ đông này yêu cầu.

25.3/ Nghĩa vụ:

1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp.
2. Tuân thủ Điều lệ và qui chế quản lý nội bộ của Công ty;
3. Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội Đồng Quản Trị; Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Giám đốc;
4. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản, và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

Điều 26 : Quyền lợi của cổ đông là người lao động trong Công ty

Theo chính sách ưu đãi của Nhà nước, người lao động trong Công ty được hưởng những quyền lợi sau:

26.1/ Được cho hưởng cổ tức đến suốt đời trong số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước:

1. Mỗi người lao động trong Công ty được cho hưởng một số cổ tức tính trên giá trị cổ phiếu tùy theo thâm niên và chất lượng công tác tại Công ty (giá trị bằng 6 tháng lương cấp bậc của từng người). Tổng trị giá cổ phiếu được cấp cho hưởng cổ tức không vượt quá 10% giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa;
2. Các cổ phiếu này thuộc sở hữu Nhà nước tại Công ty cổ phần Sơn Bạch Tuyết;
3. Đối với số cổ phiếu này, người lao động được hưởng cổ tức đến hết đời và không được chuyển nhượng, mua bán, thừa kế hoặc thế chấp.

Trong quá trình thực hiện, nếu Nhà nước có chính sách mới về số cổ phần ưu đãi này thì Công ty sẽ thực hiện theo đúng qui định mới của nhà nước.

26.2/ Người lao động đã làm việc và tiếp tục làm việc tại Công ty được mua chịu cổ phiếu của Công ty :

1. Tổng số cổ phần người lao động được mua chịu theo chính sách ưu đãi của Nhà nước không vượt quá 20% giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa;
2. Đối với những cổ phiếu này, người lao động được hưởng cổ tức hằng năm, và không được mua bán, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp khi chưa thanh toán hết nợ cho Nhà nước.
3. Người lao động phải trả tối thiểu 20% giá trị cổ phiếu mua chịu hàng năm và trả lãi suất 4%/năm trên số nợ vay; sau khi trả hết nợ thì các cổ phiếu mua chịu này chuyển thành cổ phiếu phổ thông và được quyền chuyển nhượng. Nếu không trả được nợ giá trị cổ phiếu mua chịu trong 2 năm liên tiếp thì phải hoàn trả lại cho Nhà nước;

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC – QUẢN TRỊ – ĐIỀU HÀNH – KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 27: Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:

- Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng Quản trị
- Ban kiểm soát
- Giám đốc

Ngoài ra, còn có các phòng ban, các phân xưởng, các tổ sản xuất giúp việc cho Ban Giám đốc.

Mục 1 - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28 : Đại hội đồng cổ đông

- 1/ Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 2/ Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo qui định theo Điều 70 của Luật Doanh nghiệp:
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán qui định tại điều lệ Công ty;
 - Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
 - Thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Sổ kế toán của Công ty;
 - Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

Điều 29 : Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 1/ Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần.
- 2/ Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp :
 - Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Điều 25.2 của bản Điều lệ này hoặc của Ban Kiểm soát trong trường hợp Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý qui định tại điều 55 của bản Điều lệ này hoặc Hội Đồng Quản Trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao qui định tại Điều 38 của bản Điều lệ này.
- 3/ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu theo qui định tại điều 25.2 của bản Điều lệ này.
 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của pháp luật.

Trường hợp ban Kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điều 25.2 của bản Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.

- 4 / Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 30: Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1/ **Các cổ đông sở hữu tối thiểu 200 cổ phần được quyền tham dự Đại hội.** Nếu không đủ số cổ phần cần thiết phải tự nhóm lại để cử đại diện tham dự Đại hội.
- 2/ Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền thì người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền và cổ phiếu cho chủ tọa biết trước khi khai mạc. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến Công ty trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
- 3/ Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 4/ Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai thì cuộc họp đó được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 30% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 5/ Trường hợp cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải triệu tập lần thứ ba thì cuộc họp đó luôn được tiến hành, không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện.
- 6/ Đại hội thành lập do đại diện sở hữu vốn nhà nước trong Công ty làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa; nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc một Ủy viên HĐQT làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông bất thường do Kiểm soát viên triệu tập thì Kiểm soát viên chủ tọa.
- 7/ Chủ tọa thông qua Đại hội bầu ra Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu (tiêu chuẩn Ban Kiểm phiếu do Đại hội thông qua).

Điều 31: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1 / Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải được lập xong chậm nhất mười ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2 / Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân, tên, trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần mỗi loại của từng loại cổ đông;
- 3 / Mỗi cổ đông có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 4 / Cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại điều 25.2 của bản điều lệ này có quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 5 / Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 32 : Việc ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông

- 1/ Cổ đông được ủy quyền cho đại diện thay thế tham dự Đại hội cổ đông. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội cổ đông nhưng không được đề cử, ứng cử tại Đại hội cổ đông với tư cách cá nhân của mình;
- 2/ Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty;
- 3/ Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho Ban Tổ chức Đại hội trước khi khai mạc Đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền;
- 4/ Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu mới có giá trị;
- 5/ Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba;
- 6/ Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi thẳng cho Hội Đồng Quản Trị.

Điều 33: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- 1/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp;
- 2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại Điều 25.2 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi

đến Công ty chậm nhất 3 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

- 3/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị qui định tại điều 29.2 nếu có một trong các trường hợp sau đây:
- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 34: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 1/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc;
- 2/ Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định;

Điều 35 : Biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 1/ Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; Giá trị biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu và số cổ phần đại diện;
- 2/ Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì thực hiện theo qui định sau đây:
 - Các quyết định sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:
 - Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại Công ty;
 - Quyết định giải thể Công ty;
 - Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- 3/ Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận .
- 4/ Trường hợp thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì Hội đồng quản trị phải thực hiện các công việc sau đây:
 - Quyết định các vấn đề lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến;
 - Nội dung phiếu lấy ý kiến ít nhất phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, mục đích lấy ý kiến, vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng

được gửi kèm, thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty, phương án biểu quyết “nhất trí”, “không nhất trí”, “không có ý kiến”;

- Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến của họ về Công ty.

5/ Quyết định hợp lệ của Đại hội cổ đông có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Mục 2 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36 : Hội đồng Quản trị

- 1/ Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2/ HĐQT có từ 5 đến 7 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông của Công ty bầu ra hoặc miễn nhiệm. Thành viên của HĐQT được trúng cử với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp bỏ phiếu kín.
- 3/ HĐQT bầu và bãi miễn với đa số phiếu bầu bằng thẻ thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết để bầu chủ tịch và 02 Phó chủ tịch.
- 4/ Cơ quan thường trực của HĐQT gồm Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch thường trực HĐQT phải am hiểu chuyên môn về ngành nghề kinh doanh của Công ty, có ít nhất 5 năm công tác trong ngành.
- 5/ Những người sau đây: vợ chồng, người thân thuộc trực hệ 3 đời, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng của thành viên Hội Đồng Quản Trị không được đảm nhiệm hoặc ủy quyền cho người khác đảm nhiệm chức danh Kiểm soát viên;

Điều 37 : Tiêu chuẩn ứng cử thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện sau:

1. Là cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân, sở hữu hoặc đại diện cho quyền sở hữu số cổ phần từ 0,4 % (800 cổ phần) Vốn Điều lệ trở lên;
2. Thành viên HĐQT của Công ty không được là thành viên HĐQT của quá 3 tổ chức sản xuất kinh doanh khác;
3. Có trình độ học vấn từ Đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp;

- Chữ ký ghi rõ họ tên của tất cả thành viên dự họp;
Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 40 : Các trường hợp mất tư cách thành viên HĐQT

- 1/ Chủ tịch, thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.
- 2/ Thành viên HĐQT bị mất tư cách trong các trường hợp sau:
 - a- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự(chết, mất trí, mất quyền công dân);
 - b- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân
 - c- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân
 - d- Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp
 - e- Không sở hữu đủ số cổ phần qui định tại khoản 1 Điều 37 của bản Biểu lệ này.
- 3/ Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT theo qui định thì các thành viên HĐQT còn lại cử một người trong số 2 Phó Chủ tịch lên thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi Chủ tịch mới được bầu.
- 4/ Nếu số thành viên HĐQT còn lại không đủ 2/3 thì các thành viên này phải cùng các Kiểm soát viên cử ngay một người trong số họ đảm nhận công việc của Chủ tịch HĐQT và triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để bầu đủ số lượng và các chức danh HĐQT.
- 5/ Trường hợp khuyết 1/3 số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo qui định của Luật Doanh nghiệp thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
Mọi trường hợp khuyết thành viên HĐQT khác do Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

Điều 41 : Phân chia trách nhiệm và quyền hạn giữa các thành viên trong HĐQT

- 1/ Chủ tịch HĐQT là người đại diện cho Công ty trước pháp luật, có trách nhiệm và quyền hạn sau:
 - a. Triệu tập các phiên họp của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều khiển các buổi họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - c. Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty;
- 2/ Các thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công;
- 3/ Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau:

- a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- b. Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình;
- c. Thực hiện Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên và có sự phân công, phân nhiệm của HĐQT;

Điều 42 : Quyền lợi của thành viên HĐQT

- 1/ Thành viên HĐQT hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí cần thiết khác để phục vụ cho công việc của Công ty. Mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.
- 2/ Mọi chi phí của HĐQT được tính vào Chi phí quản lý của Công ty.

Điều 43: Nhiệm kỳ của HĐQT

- 1/ Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT là 05 năm. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại.
- 2/ Việc thay thế thành viên HĐQT phải theo nguyên tắc kế thừa : đảm bảo trong HĐQT mới có ít nhất 1/3 số thành viên cũ.
- 3/ Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn hoặc bầu bổ sung Quản trị viên thay thế cho đến hết nhiệm kỳ đó.

Điều 44 : Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- 1/ Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty; nếu Chủ tịch không kiêm Giám đốc thì HĐQT cử một người trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc.
- 2/ Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch thay mặt đảm trách việc quản trị Công ty.
- 3/ Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - Lập chương trình, kế hoạch hành động của Hội đồng Quản trị;
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị dưới hình thức khác;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 3 – GIÁM ĐỐC

Điều 45 : *Giám đốc*

- 1/ Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê mướn;
- 2/ Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 3/ Trợ giúp Giám đốc có một số Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 46 : *Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc*

Giám đốc Công ty phải là người có đủ các điều kiện sau:

1. Tốt nghiệp Đại học ngành kỹ thuật, kinh tế hoặc tương đương trở lên; có ít nhất 10 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty.
2. Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 47 : *Chức năng và nhiệm vụ của Giám đốc*

1. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, qui chế quản lý nội bộ Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;
6. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc ;
7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, các trưởng phó phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ và các chức vụ tương đương của Công ty theo đúng qui định của Nhà nước về tổ chức cán bộ. Các chức danh này phải có bằng đại học hoặc tương đương khi được bổ nhiệm.
8. Đề nghị HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
9. Ký hoặc ủy quyền ký các hợp đồng, báo cáo, văn bản chứng từ của Công ty;
10. Báo cáo trước HĐQT tình hình hoạt động tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo qui định của bản Điều lệ này.
11. Chức năng đại diện Công ty trong việc khởi kiện và khởi tố các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được HĐQT ủy quyền bằng văn bản.

Điều 48 : *Quyền hạn và trách nhiệm của Giám đốc*

1. Giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất về mọi hoạt động nghiệp vụ của Công ty;

2. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, Phó Chủ tịch hay các thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho các Kiểm soát viên;
3. Có quyền tuyển dụng và bố trí lao động theo định biên đã được HĐQT duyệt; khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc người lao động theo qui chế nhân sự do HĐQT ban hành và phù hợp với pháp luật về lao động;
4. Điều động lao động trong định biên giữa trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc. Trong trường hợp điều động làm tăng thêm định biên ở các đơn vị này phải được Chủ tịch HĐQT chấp thuận bằng văn bản;
5. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm nghiệp vụ gây tổn thất cho Công ty;

Điều 49 : Từ nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách Giám đốc

1. Giám đốc có thể xin từ nhiệm nếu có lý do chính đáng. Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT họp xem xét và quyết định.
2. Nếu Giám đốc không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động của Công ty, HĐQT có thể bãi nhiệm và cử người khác thay thế và thông báo công khai;
3. Giám đốc đương nhiên mất tư cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân. Trong trường hợp Giám đốc bị mất tư cách, HĐQT phải cử ngay một người tạm thời đảm nhiệm công việc của Giám đốc.
4. Trong các trường hợp trên và trong thời hạn tối đa 60 ngày, HĐQT phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc mới.

Mục 4 - BAN KIỂM SOÁT

Điều 50 : Ban Kiểm soát

1. Là những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
2. Ban Kiểm soát có 3 Kiểm soát viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 51 : Tiêu chuẩn lựa chọn Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải là cổ đông, có trình độ Đại học, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Trong đó ít nhất có một kiểm soát viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán.
2. Kiểm soát viên không được là thành viên HĐQT, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty, không thể là vợ, chồng hoặc người thân thuộc trực hệ 3 đời, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng thành viên HĐQT, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

Điều 52 : Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên

1. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và được kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Các Kiểm soát viên có thể được bầu lại.
2. Trong nhiệm kỳ có khiếm khuyết Kiểm soát viên thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

Điều 53 : Từ chức, từ nhiệm và mất tư cách Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên trưởng muốn từ chức phải được sự nhất trí của các Kiểm soát viên bằng bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết.
2. Người muốn từ nhiệm chức danh Kiểm soát viên phải gửi đơn đến HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
3. Cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền đại diện của mình đang giữ chức vụ Kiểm soát viên thì phải có văn bản gửi đến HĐQT và các Kiểm soát viên khác để xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật hiện hành.
4. Kiểm soát viên đương nhiên bị mất tư cách trong các trường hợp như thành viên HĐQT được quy định tại khoản 2 Điều 40 của bản Điều lệ này.

Điều 54 : Nhiệm vụ, quyền hạn của các Kiểm soát viên

1/ Kiểm soát viên có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

- a. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán tài chính hàng năm của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);
- b. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên thuộc Công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm tra bảng tổng kết năm tài chính;
- d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của HĐQT và Giám đốc với các ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có);
- e. Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT;
- f. Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
- g. Kiểm soát viên trưởng hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường;

2/ Kiểm soát viên không có lương mà hưởng thù lao theo quyết định của HĐQT. Chi phí cho Kiểm soát viên được hạch toán vào Chi phí quản lý của Công ty.

Điều 55 : Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Những người quản lý Công ty là những người có các chức danh như: thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Giám Đốc, Kế toán trưởng,

Trưởng, phó ban của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- 1/ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khẩn cấp vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;
- 2/ Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng Quản trị chấp thuận;
- 3/ Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì :
 - Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;
 - Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
 - Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ qui định tại hai điểm trên;
 - Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;

Điều 56 : Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận

- 1/ Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo qui định sau đây:
 - Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
 - Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp nhận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
- 2/ Trường hợp hợp đồng qui định tại khoản 1 điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo qui định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường.

Điều 57: Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty

- 1/ Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh;
- 2/ Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông;

- 3/ Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại Công ty cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí;

Điều 58: Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

- 1/ Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu sau đây:
- Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty; qui chế quản lý nội bộ Công ty; Sổ đăng ký cổ đông;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
 - Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;
 - Bản báo bạch để phát hành chứng khoán;
 - Báo cáo của ban Kiểm soát; kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - Các tài liệu theo qui định của pháp luật;
- 2/ Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu trên ở trụ sở chính đồng thời phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

THỐNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 59 : Năm tài chính

- 1/ Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 tròn hàng năm.
- 2/ Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 60: Tổng kết toán

Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng qui định Thống kê Kế toán hiện hành của Nhà nước.

- 1/ Cuối mỗi năm tài chính, Công ty phải lập một Báo cáo tài chính bao gồm Bản cân đối kế toán và bản Quyết toán tài chính để trình cho HĐQT và BKS xem xét ít nhất là 20 ngày trước phiên họp toàn thể hàng năm.

Các bản tổng kết cũng phải trình cho Đại hội đồng cổ đông thường niên. Sau Đại hội, các văn bản này cùng biên bản Đại hội cổ đông cùng tất cả các chứng từ

phụ thuộc phải được lưu tại Văn phòng Công ty trong 3 năm liền để toán thể cổ đông xem xét khi cần thiết.

- 2/ Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được gửi đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

Điều 61: Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và ngay sau khi lợi nhuận của Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, Công ty sẽ chia lợi nhuận cho các thành viên như sau:

- 1/ Trước khi phân chia lợi tức cổ phần cho các cổ đông phải trích lập các Quỹ Công ty.
- 2/ Các Quỹ Công ty được thành lập từ lợi nhuận ròng bao gồm:
 - a. Quỹ Dự trữ bắt buộc: 5% lợi nhuận ròng để bổ sung Vốn Điều lệ cho đến mức bằng 10% Vốn điều lệ. Mục đích để bù đắp những tổn thất, rủi ro hoặc thua lỗ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - b. Các Quỹ không bắt buộc bao gồm:
 - Quỹ Phát triển sản xuất, Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi, Quỹ trợ cấp mất việc làm và các quỹ khác nếu pháp luật hiện hành có qui định.
 - Mức tỷ lệ trích hàng năm của các quỹ này do HĐQT quyết định.
- 3/ HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các Quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 4/ Số lợi tức còn lại được chia cho các cổ đông. Công ty trả cổ tức cho cổ đông 2 lần trong 1 năm:
 - Lần 1: Tạm ứng sau khi sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm;
 - Lần 2: Thanh toán cổ tức còn lại sau khi Quyết toán năm tài chính của Công ty.

Điều 62 : Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

- 1/ Trong trường hợp Công ty kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo hai phương án sau:
 - Trích từ Quỹ Dự trữ để bù lỗ;
 - Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.
- 2/ Ngoài ra, sau khi giải quyết theo các phương án trên mà vẫn chưa khắc phục được tình trạng thua lỗ trong kinh doanh thì Công ty áp dụng nguyên tắc chịu lỗ theo tỷ lệ vốn góp của cổ đông để xử lý các khoản lỗ của Công ty.
- 3/ Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài quá hai năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì phải tiến hành xử lý theo Luật Phá sản doanh nghiệp.

5. Ứng cử viên thành viên HĐQT là đại diện công nhân viên chức tại doanh nghiệp, ngoài các tiêu chuẩn qui định tại khoản nêu trên, còn phải thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:
- Có thâm niên công tác tại doanh nghiệp ít nhất 03 năm;
 - Có nhiều thành tích trong hoạt động SXKD tại Công ty;
 - Có uy tín trong doanh nghiệp.

Điều 38 : Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

1/ HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần Sơn Bạch Tuyết quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, nhưng không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2/ HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a) Quản trị Công ty theo đúng luật pháp Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Quyết định chiến lược phát triển của Công ty ;
- c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- d) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- e) Quyết định phương án đầu tư;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
- g) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó. Trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc do toàn thể HĐQT quyết định;
- h) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- i) Quyết định về qui chế tuyển dụng và cho thôi việc nhân viên của Công ty. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của HĐQT và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân viên gây thiệt hại cho Công ty;
- j) Quyết định các dự án đầu tư vượt khỏi thẩm quyền quyết định của Giám đốc, sau đó HĐQT sẽ báo cáo những dự án này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất để chuẩn y;
- k) HĐQT có thể hủy các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị Quyết HĐQT và các qui định của HĐQT;
- l) Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty;
- m) Xem xét và ủy quyền toàn bộ hoặc từng vụ việc cho Giám đốc khởi kiện, khởi tố các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty;
- n) Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi tên;
- o) Trình báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Quyết định chào giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
- r) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- s) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;
- t) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

3/ Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Mỗi thành viên của Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4/ HĐQT có Ban Tư Vấn gồm các chuyên viên, thư ký để giúp việc do HĐQT lựa chọn và qui định về số lượng, chức năng, nhiệm vụ, tiền lương của Ban Tư vấn này. Thành viên của Ban Tư vấn thuộc biên chế trong hệ thống tổ chức, quản lý của Công ty hoặc thuê từ các cổ đông.

Điều 39 : Hoạt động của HĐQT

1/ HĐQT họp thường kỳ ít nhất 03 tháng một lần, trong các trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa 2 kỳ họp cũng không được quá 6 tháng.

2/ Trường hợp cần thiết, HĐQT có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:

- Chủ tịch HĐQT;
- Ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT;
- Kiểm soát viên trưởng;

3/ Phiên họp của HĐQT triệu tập lần thứ nhất phải có ít nhất 2/3 số thành viên của HĐQT, triệu tập lần thứ hai phải có ít nhất 1/2 số thành viên HĐQT thì mới hợp lệ. HĐQT ra quyết định theo số phiếu của đa số thành viên có mặt. Trường hợp ngang phiếu thì quyết định thuộc về bên nào có phiếu của Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch phiên họp (nếu Chủ tịch vắng mặt).

4/ Trường hợp sau 3 lần triệu tập vẫn không đủ 1/2 số thành viên HĐQT tham dự thì những người có mặt tại phiên họp lần 3 được quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định chủ trương xử lý các vấn đề có liên quan.

5/ Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào Sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung sau đây:

- Thời gian và địa điểm họp;
- Họ tên thành viên tham dự;
- Chương trình họp;
- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết;
Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp;
- Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;

Điều 63 : Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ hoặc chi lợi nhuận cho thành viên trái với qui định tại điều 20, điều 21 của bản điều lệ thì tất cả thành viên phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ tương ứng với phần vốn đã giảm hoặc lợi nhuận đã chia tương ứng với phần vốn góp.

CHƯƠNG V

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC, GIẢI THỂ

Điều 64 : Căn cứ xác định doanh nghiệp thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả

Công ty được coi là thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả nếu:

- Không có nợ quá hạn, không có các nghĩa vụ tài sản khác đã quá hạn mà chưa thanh toán được;
- Không dùng vốn vay mới, kể cả đảo nợ, để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;

Điều 65 : Căn cứ xác định Công ty bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác

Công ty được coi là có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác nếu tổng giá trị tài sản ghi trên bảng cân đối kế toán của Công ty lớn hơn tổng số nợ và các nghĩa vụ tài sản khác phải trả.

Điều 66 : Chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi Công ty

Công ty thực hiện việc hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty theo qui định tại điều 105,106,107,108 và 109 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 67: Giải thể và thanh lý tài sản của Công ty

1/ Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn;
- Trường hợp Công ty bị lỗ đến $\frac{3}{4}$ Vốn Điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể của Công ty;
- Khi có lý do chính đáng, HĐQT có quyền đề nghị để Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định giải thể Công ty;
- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo qui định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 6 tháng liên tục;
- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Quyết định đình chỉ hoạt động của Tòa Án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2/ Khi Công ty lâm vào tình trạng phá sản, sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết nhưng không thoát khỏi tình trạng này và có đơn yêu cầu tuyên bố phá sản thì sẽ giải quyết theo trình tự được quy định tại Luật Phá sản doanh nghiệp.

3/ Công ty thực hiện việc giải thể như sau:

- Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp theo qui định của Luật Doanh nghiệp; căn cứ Quyết định giải thể, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng Kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành;
- Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp, quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của doanh nghiệp và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung ương trong 3 số liên tiếp.
- Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.
- Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty.
- Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày thanh toán hết nợ của Công ty, tổ thanh lý phải gửi hồ sơ về giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.
- Trong thời gian thanh lý, các Thanh lý viên và Kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.
- Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo qui định tại điều này.

Điều 68 : Tổ tụng, tranh chấp

- 1/ Giám đốc là người đại diện Công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trong mọi giai đoạn tranh tụng.
- 2/ Công ty cổ phần Sơn Bạch Tuyết có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.
- 3/ Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.
- 4/ Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu HĐQT bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 69 : Hiệu lực của điều lệ

1. *Bản Điều lệ sửa đổi lần 3 kỳ này sẽ thay thế cho Bản điều lệ sửa đổi lần 2 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 04.10.2008, có hiệu lực thi hành từ sau khi được Đại hội đồng cổ đông kết thúc nhiệm kỳ III thông qua và được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh .*
2. Những nội dung, công việc và tài liệu đang thực hiện tại Công ty trái với bản Điều lệ sửa đổi này sẽ không còn giá trị. Hội đồng Quản trị và Giám đốc có trách nhiệm sửa đổi, xây dựng, ban hành và thực hiện các qui chế, qui định theo tinh thần nội dung của bản Điều lệ mới này.

Điều 70 : Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều khoản của điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong bản điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp, luật liên quan khác điều chỉnh.
2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, nếu có những điều khoản nào của bản Điều lệ này không còn phù hợp với tình hình mới và pháp luật Nhà nước thì Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ cho phù hợp. Việc sửa đổi, bổ sung này (nếu có) sẽ được thực hiện theo Điều 70 của Luật Doanh nghiệp, đồng thời phải được Hội đồng Quản trị Công ty đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền như qui định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 71 : Tổ chức Đảng, đoàn thể trong Công ty

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty được tổ chức và hoạt động theo Hiến Pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị – xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức này hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của mình.

Điều 72 : Con dấu

Hội đồng Quản trị giao Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 73 : Điều khoản cuối cùng

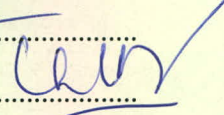
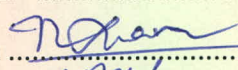
Bản Điều lệ sửa đổi lần 3 theo Luật Doanh nghiệp này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chấp thuận toàn bộ vào ngày 12 tháng 12 năm 2013. Đại hội nhất trí ủy quyền cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị thay mặt các cổ đông đồng ký tên vào Bản Điều lệ này.

Bản điều lệ này gồm 6 chương 73 điều, được lập thành 5 bản có giá trị như nhau: 1 bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 4 bản lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và có đóng dấu của Công ty mới có giá trị.

TP.HCM, ngày 12 tháng 12 năm 2013

Các thành viên Hội đồng Quản trị cùng ký tên.

1. Bà Trần thị Bích Hằng 
2. Ông Nghiêm Quốc Bình 
3. Ông Nguyễn Thanh Hùng 
4. Ông Nguyễn Thanh Xuân 
5. Ông Đinh Văn Hậu 